TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HSST
Ngày: 18/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Thành Đô

2. Ông Trần Văn Hạnh

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký toà án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*: Ông Đỗ Văn Đặng

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020, theo quyết đinh đưa vụ án ra xét xử 02/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn N, sinh năm: 1984

HKTT và nơi cư trú: thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1953; Có vợ: Trần Thị T, sinh năm 1983 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

"Bị cáo có mặt tại phiên toà"

Bị hại:

Cháu Doãn Gia B, sinh năm 2017 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:

Anh Doãn Thành N, sinh năm 1988 (*là bố đẻ của cháu B*) "Có *mặt*"

Đều trú tại: Thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 "*vắng mặt*"

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1953 "*vắng mặt*"

Đều trú tại: Thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2001 "*có mặt*"

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 15/8/2020, Nguyễn N, sinh năm 1984 ở thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe ô tô BKS: 89C-149.51 đi dọc đường DH82 thuộc địa phận xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo hướng từ cầu Cáp, huyện P đi UBND xã X, huyện T. Khi đến ngã tư đình làng Nhài, N điều khiển xe ô tô rẽ trái vào đường bê tông xóm cửa đình. Quá trình chuyển hướng xe, N không chú ý quan sát phía trước nên đã điều khiển bánh trước và bánh sau bên trái người điều khiển xe ô tô va chạm vào cháu Doãn Gia B, sinh năm 2017, ở thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên đang đứng ở giữa đường bê tông ngõ xóm cửa đình, thôn G, xã X, huyện T. Hậu quả: Cháu B được N và anh Doãn Thành N, sinh năm: 1988, nơi cư trú: thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên là bố đẻ cháu B đưa đến Trung tâm y tế huyện T cấp cứu nhưng sau đó tử vong. Khi điều khiển xe ô tô BKS: 89C-149.51, N có đầy đủ giấy phép lái xe theo quy định, không sử dụng rượu bia, ma túy và chất kích thích.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành lập biên bản vụ tại nạn giao thông, biên bản khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm phương tiện là xe ô tô liên quan đến vụ tai nạn giao thông và biên bản khám nghiệm tử thi đối với cháu Doãn Gia B.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 12/GĐPY-PC09, ngày 20/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Nguyên nhân chết của cháu Doãn Gia B, nạn nhân vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 15/8/2020 là do: Chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ. Thể loại chết: Không tự nhiên.

* *Về trách nhiệm dân sự:*

- Sau khi xảy ra sự việc bị cáo N đã có ý thức cùng với gia đình cháu B đưa cháu B đi cấp cứu nhưng cháu B đã tử vong. Bị cáo đã nhận thức được hậu quả do hành vi của mình gây ra nên đã cùng gia đình đến thăm viếng, động viên, tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường tổn thất cho gia đình người bị hại số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin rút yêu cầu điều tra đồng thời không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

* *Về vật chứng của vụ án:*

- Đối với 01 xe ô tô BKS: 89C-149.51 nhãn hiệu Misubishi, 01 camera hành trình nhãn hiệu Smart Rear Miror DVR mã A501B3275501612010106; 01 giấy đăng

ký lái xe số 190163019042 (hạng C); 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 9891099; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe ô tô số 003889; 01 bản sao đăng ký xe ô tô BKS: 89C-149.51; 01 giấy biên nhận thế chấp số 332 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại cho Nguyễn N.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKSTL ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn N về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, Nguyễn N khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố, bản thân bị cáo rất ân hận về hậu quả do hành vi của mình gây ra và đã cùng gia đình khắc phục hậu quả đối với gia đình người bị hại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS

Tuyên bố bị cáo Nguyễn N phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*"

Xử phạt bị cáo N từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm đến 2 năm 6 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự giải quyết với nhau xong và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

Bị cáo N nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hậu quả nghiêm trọng do hành vi của mình gây ra và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo N tại Cơ quan điều tra và phiên toà hôm nay về việc gây tai nạn cho cháu Doãn Gia B ngày 15/8/2020, tại khu vực ngã tư đình làng Nhài, thuộc thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Các bản ảnh vụ việc, hình ảnh được ghi nhận tại thẻ nhớ camera hành trình, lời khai của người đại diện hợp pháp cho bị hại, lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định pháp y. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 15/8/2020, tại khu vực ngã tư đình làng Nhài, thuộc thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Nguyễn N điều khiển xe ô tô BKS: 89C-149.51 chuyển hướng từ đường DH82 rẽ trái vào đường bê tông xóm cửa đình không đảm bảo an toàn, đi không đúng phần đường quy định và không chú ý quan sát nên đã va chạm với cháu Doãn Gia B, hậu quả làm cháu B chết. Hành vi như đã nêu trên của Nguyễn N đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ, vi phạm điểm a Khoản 7 Điều 5 Nghị định Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số: 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 thì bị cáo Nguyễn N vi phạm quy tắc giao thông đường bộ gây thiệt hại tính mạng cho cháu Doãn Gia B đã phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự như cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do bị cáo không tuân thủ các quy định của luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông, đi không đúng phần đường quy định, chuyển hướng không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn nên đã gây ra tai nạn khiến cháu B tử vong, gây hoang mang trong cộng đồng dân cư khi tham gia giao thông. Do vậy, HĐXX cần xem xét quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng, phù hợp với mức độ lỗi mà bị cáo gây ra, có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo đã tác động tới gia đình bồi thường để khắc phục hậu quả, tổn thất cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bên

cạnh đó, gia đình bị hại đã có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân, huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, sau khi phạm tội đã cùng với gia đình bị hại đưa người đi cứu chữa, có ý thức khắc phục hậu quả. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình thuộc diện gia đình có công với cách mạng, đại diện gia đình bị hại có đơn xin rút yêu cầu điều tra, miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo theo quy định của pháp luật cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. *Về hình phạt bổ sung:* HĐXX thấy rằng không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự:* Giữa bị cáo và đại diện gia đình bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường cho nhau xong. Người đại diện hợp pháp của gia đình bị hại không yêu cầu, đề nghị gì. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về vật chứng của vụ án:*

- 01 xe ô tô BKS: 89C-149.51 nhãn hiệu Misubishi, 01 camera hành trình nhãn hiệu Smart Rear Miror DVR mã A501B3275501612010106; 01 giấy đăng ký lái xe số 190163019042 (hạng C); 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 9891099; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe ô tô số 003889; 01 bản sao đăng ký xe ô tô BKS: 89C-149.51; 01 giấy biên nhận thế chấp số 332; Ngày 14/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả cho Nguyễn N là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo trong vụ án là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

2.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn N phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*"

3.Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn N 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo khoản 5 Điều 65 BLHS.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không xem xét giải quyết.

5.Về án phí: Bị cáo Nguyễn N phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo và đại diện hợp pháp cho người bị hại. Báo cho bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Bị cáo; Đại điện hợp pháp cho người bị hại
- Lưu toà án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Ngọc